

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIÊNG IDICO

**Báo cáo
thường niên
2025**

Đồng Nai, ngày 07 tháng 4 năm 2026

Mục lục

I

Thông tin chung

| | |
|--|----|
| 1. Thông tin khái quát | 5 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển | 7 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 9 |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 10 |
| 5. Định hướng phát triển | 11 |
| 6. Các rủi ro | 12 |

II

Tình hình hoạt động

| | |
|--|----|
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 15 |
| 2. Tổ chức và nhân sự | 18 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 22 |
| 4. Tình hình tài chính | 23 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 24 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty | 26 |

III

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

| | |
|---|----|
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 31 |
| 2. Tình hình tài chính | 33 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý | 33 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai | 37 |
| 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán | 37 |
| 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty | 38 |

IV

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

| | |
|---|----|
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty | 41 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty | 42 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 42 |

V

Quản trị công ty

| | |
|--|----|
| 1. Hội đồng quản trị | 45 |
| 2. Ban kiểm soát (BKS) | 48 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS | 49 |

VI

Báo cáo tài chính

| | |
|-------------------------------------|----|
| 1. Ý kiến Kiểm toán | 53 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán | 53 |

Thông tin chung

| | |
|--|----|
| 1. Thông tin khái quát | 5 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển | 7 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 9 |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 10 |
| 5. Định hướng phát triển | 11 |
| 6. Các rủi ro | 12 |



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

| | |
|----------------|---|
| Tên giao dịch | CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SROK PHU MIẾNG IDICO |
| Tên quốc tế: | IDICO SROK PHU MIENG HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt: | IDICO-SHP |
| Địa chỉ: | Thôn Long Bình 7, xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai |
| Số điện thoại: | 0271.3731400 |
| Số Fax: | 0271.3731092 |
| Website: | WWW.IDICO-SHP.VN |

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ

| | |
|-------------------------------|---|
| Mã số doanh nghiệp: | 3800407449 Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày đăng ký 24/9/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (nay là Sở Tài Chính tỉnh Đồng Nai) cấp. |
| Mã cổ phiếu: | ISH |
| Vốn điều lệ: | 450.000.000.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 450.000.000.000 đồng |

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giai đoạn đầu tư

10/2002

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 947/QĐ-TTg phê duyệt Dự án Thủy điện Srok Phu Miêng – dự án thủy điện đầu tiên do Tổng công ty IDICO (đơn vị ngoài ngành điện) vừa làm chủ đầu tư, vừa thi công và quản lý.

11/2003

Khởi công xây dựng công trình tại xã Long Bình, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai). Tổng công suất 51 MW (2 tổ máy x 25,5 MW). Tổng vốn đầu tư: 1.149 tỷ đồng.

10/2006 - 01/2007

Tổ máy số 1 phát điện thương mại hòa lưới quốc gia vào cuối tháng 10/2006.
Tổ máy số 2 vận hành từ tháng 01/2007.
Công trình được Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và các Ban ngành liên quan đánh giá cao về chất lượng công trình, tiến độ xây dựng và năng lực quản lý điều hành.

Giai đoạn cổ phần hóa

11/2006

Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO chính thức thành lập theo Quyết định số 126/QĐ-TCT của Hội đồng quản trị IDICO.

08/2007

Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1128/QĐ-BXD về việc cổ phần hóa Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO - đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty IDICO.

11/2007

Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1377/QĐ-BXD phê duyệt phương án cổ phần hóa.

01/2008

Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 29/QĐ-BXD về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Nhà máy Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thành Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (IDICO-SHP).

Đăng ký giao dịch cổ phiếu

06/2015

Cổ phiếu ISH của Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO chính thức đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM – Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
Đánh dấu bước tiến quan trọng trong công tác quản trị minh bạch và nâng cao thương hiệu IDICO-SHP trên thị trường chứng khoán.

Các sự kiện nổi bật trong năm 2025

22/4/2025

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

13/5/2025

Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT về chi trả cổ tức đợt 1 năm tài chính 2024:

- Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu.
- Ngày thanh toán: 30/6/2025.
- Hình thức chi trả: Bằng tiền.

15/8/2025

Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT về chi trả cổ tức phần còn lại năm tài chính 2024:

- Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu
- Ngày thanh toán: 25/9/2025.
- Hình thức chi trả: Bằng tiền.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính: Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng, đồng thời khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất tại địa phương.



Sản xuất, truyền tải và phân phối điện



Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

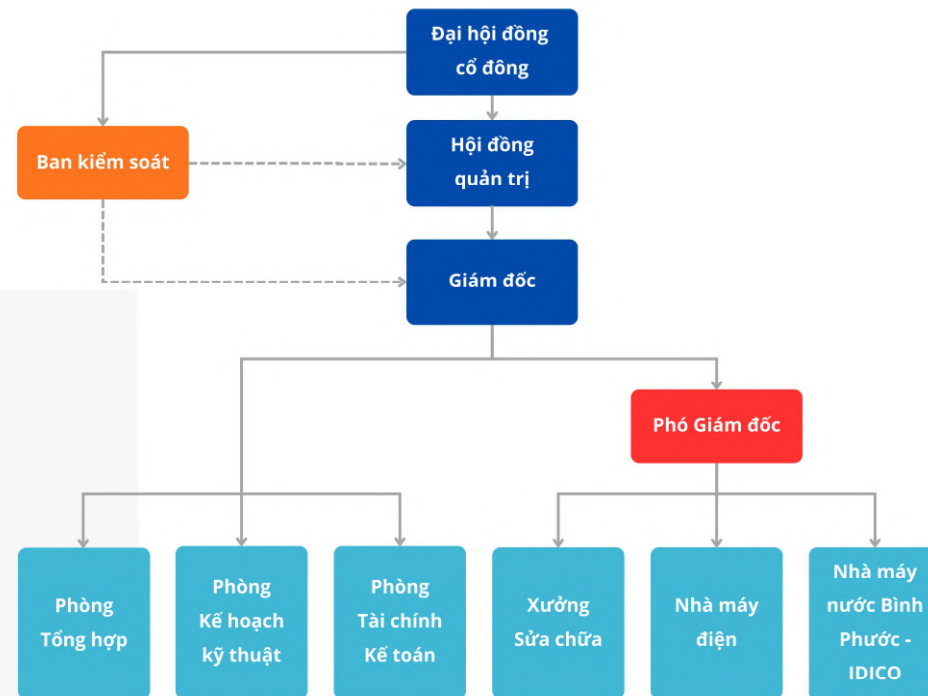
Địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty tập trung tại Thôn 7, xã Long Bình, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước (nay là Thôn Long Bình 7, xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai).



4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý:



Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm toàn thể cổ đông có quyền biểu quyết, quyết định chiến lược phát triển, phương án phân phối lợi nhuận và các vấn đề trong yếu khác.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Giám đốc: Là cơ quan điều hành, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về hoạt động sản xuất - kinh doanh, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Ban kiểm soát: Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và hoạt động tài chính - kế toán của Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát.

Các công ty con, công ty liên kết

: Không có.

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Đảm bảo tối đa lợi ích của các cổ đông, thu nhập của người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Quản lý vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy điện, Nhà máy nước.
- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật nhằm đảm bảo Nhà máy điện, Nhà máy nước hoạt động tin cậy, an toàn, đảm bảo các chỉ tiêu thiết kế.
- Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, quản lý của cán bộ, nhân viên Công ty nhằm đáp ứng nhu cầu và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị Nhà máy điện.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường như: thực hiện công tác giám sát chất lượng môi trường hằng năm theo quy định hiện hành, ...
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các biện pháp đảm bảo an toàn lao động; hằng năm trang bị đầy đủ BHLĐ, đồng phục, giày, nón, mặt nạ phòng độc, quần áo đi mưa, áo phao, ... khi làm việc và diễn tập.
- Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động cũng như các chế độ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Tiếp tục thực hiện các hoạt động an sinh xã hội, đặc biệt đối với địa phương nơi đơn vị đóng trụ sở.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Nâng cấp, cải tạo các hệ thống thiết bị đảm bảo vận hành ổn định, hiệu quả.
- Tiếp tục nghiên cứu đầu tư mở rộng cấp nước trên địa bàn.
- Chủ động theo dõi bổ sung quy hoạch các dự án Điện mặt trời trên lòng hồ thủy điện Srok Phu Miêng. Tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án năng lượng.

6. CÁC RỦI RO

Các rủi ro của Công ty chủ yếu là rủi ro thời tiết, vận hành - mưa lũ; thị trường điện và các rủi ro khác:

Rủi ro thời tiết

Chủ yếu ảnh hưởng đến lưu lượng nước về hồ. Để hạn chế ảnh hưởng này, Công ty thường xuyên cập nhật thông tin từ các nhà máy thủy điện bên trên, tình hình thời tiết trong khu vực từ đó điều tiết chạy máy vào các thời điểm phù hợp để tận dụng hiệu quả nguồn nước (như chạy máy tập trung vào các giờ cao điểm,...)

Rủi ro vận hành - mưa lũ

Công trình đã đưa vào từ năm 2007 nên cũng không tránh khỏi các hư hỏng, xuống cấp, các đợt mưa lũ lớn có thể làm gián đoạn vận hành. Để hạn chế ảnh hưởng này, Công ty cũng đã chủ động tăng cường theo dõi, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên, cũng như tìm hiểu cải tạo nâng cấp thiết bị, đồng thời vận hành điều tiết hồ chứa tuân thủ quy trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để hạn chế tối đa thời gian dừng máy không cần thiết.

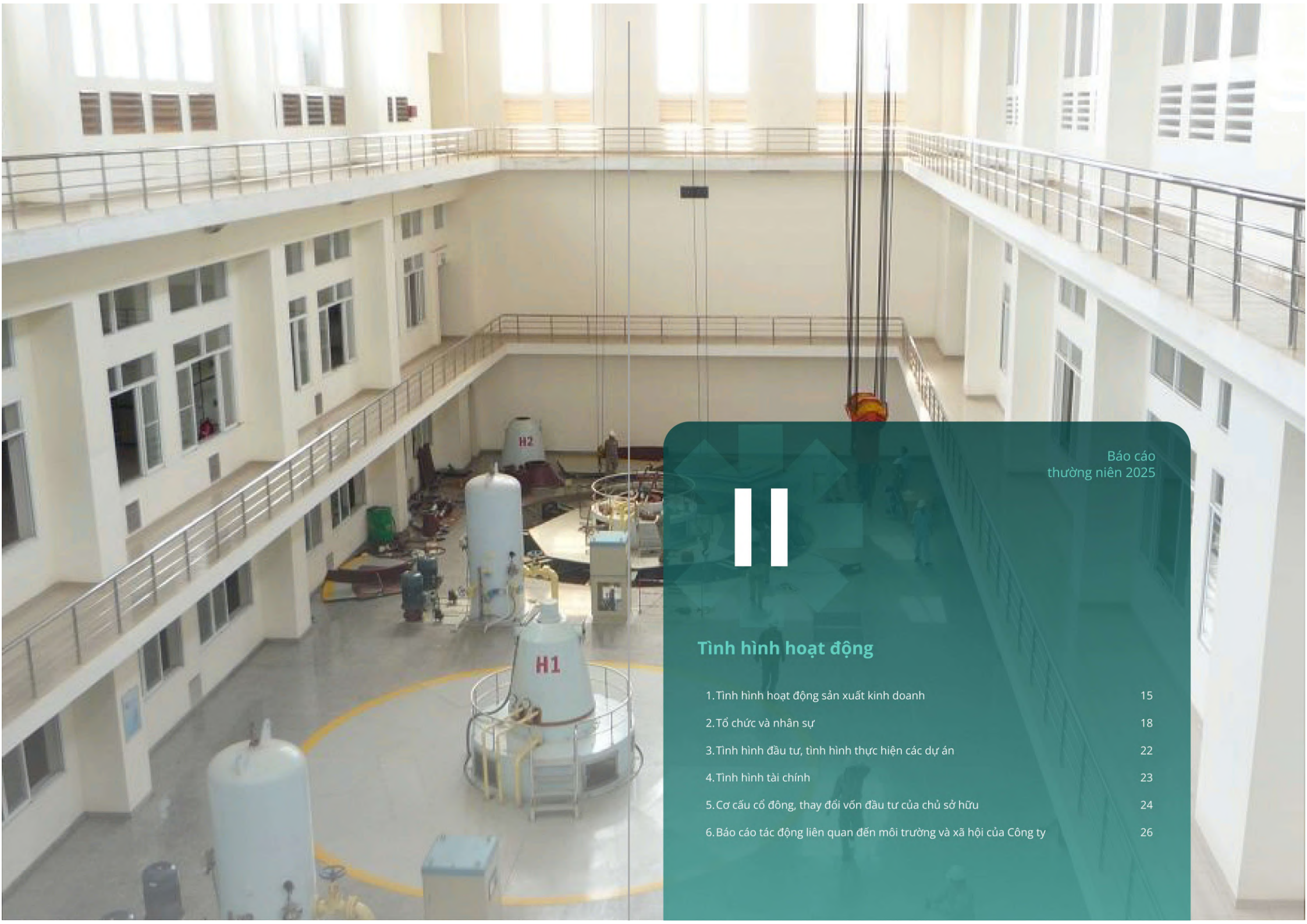
Rủi ro thị trường điện

Cơ chế thị trường ảnh hưởng hoạt động đến SXKD của Công ty. Để hạn chế ảnh hưởng này, Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định liên quan từ đó có ứng xử phù hợp như chạy phát, chào giá vào các thời điểm có giá cao, cũng như có các đề xuất, kiến nghị hệ số tỷ lệ tham gia thị trường điện phù hợp,...

Các rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm: rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

- Về rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá và tỷ giá. Rủi ro này không ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động SXKD của Công ty.
- Về rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản: Công ty đánh giá mức rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Công ty tin tưởng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



Báo cáo
thường niên 2025



Tình hình hoạt động

| | |
|--|----|
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 15 |
| 2. Tổ chức và nhân sự | 18 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 22 |
| 4. Tình hình tài chính | 23 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 24 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty | 26 |

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

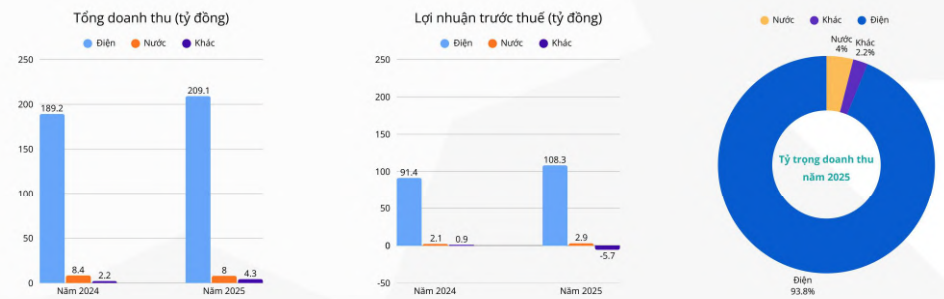
Năm 2025, các chỉ tiêu trọng yếu của hoạt động SXKD của Công ty vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra và cao hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Sản lượng điện thương phẩm đạt 115% kế hoạch năm, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng doanh thu đạt 113% kế hoạch năm, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 116% kế hoạch đề ra, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, tỷ suất LNST/doanh thu đạt 38%.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2025 |
|-----|----------------------------|---------------------|
| 1 | Tổng doanh thu và thu nhập | 221.373 triệu đồng |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 105.497 triệu đồng |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 84.247 triệu đồng |
| 4 | Nộp NSNN | 70.527 triệu đồng |
| 5 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.803 đồng/cổ phiếu |

Doanh thu, lợi nhuận trước thuế từng hoạt động như sau:



1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Tỷ lệ % TH 2025 so với | |
|----|----------------------------|------------|---------------|----------------|------------------------|------------------|
| | | | | | KH 2025 | Cùng kỳ năm 2024 |
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm | Tr.kWh | 218 | 251 | 115% | 113% |
| 2 | Sản lượng nước sạch | m3 | 787.440 | 728.792 | 93% | 94% |
| 3 | Tổng doanh thu và thu nhập | Tr.đồng | 196.040 | 221.373 | 113% | 111% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tr.đồng | 91.094 | 105.497 | 116% | 112% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tr.đồng | 72.727 | 84.247 | 116% | 111% |
| 6 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đ/cổ phiếu | 1.616 | 1.803 | 112% | 110% |
| 7 | Nộp NSNN | Tr.đồng | 64.012 | 70.527 | 110% | 115% |

Doanh thu, lợi nhuận trước thuế
từng hoạt động thực hiện so với kế hoạch



Cụ thể kết quả lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính như sau:

*** Lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng:**

Các chỉ tiêu hoạt động SXKD điện thực hiện năm 2025 vượt kế hoạch đề ra và tăng hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Sản lượng điện thực hiện năm 2025 đạt 115% kế hoạch năm, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 113% kế hoạch năm, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 đạt 124% kế hoạch năm, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước.

*** Lĩnh vực sản xuất kinh doanh nước sạch:**

Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu nước sạch không đạt kế hoạch đề ra và giảm so với cùng kỳ năm trước, nhưng do chỉ tiêu chi phí giảm nên chỉ tiêu lợi nhuận nước sạch đạt kế hoạch đề ra và tăng hơn so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

- Sản lượng nước sạch thực hiện năm 2025 đạt 93% kế hoạch năm, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 94% kế hoạch năm, giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 đạt 105% kế hoạch năm, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Phân tích nguyên nhân:

- Hoạt động điện năng:

- + Lưu lượng nước về hồ cao hơn thiết kế, các tháng mùa mưa lưu lượng nước về hồ tương đối đồng đều và kéo dài tới tháng 11/2025, lưu lượng xả tràn ít hơn các năm trước đây, đây là yếu tố thuận lợi giúp tăng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận điện cho Công ty.
- + Công tác điều tiết hồ chứa hợp lý, tăng cường chạy máy giờ cao điểm nhằm tăng doanh thu bán điện; giá bán điện bình quân chưa bao gồm thuế phí trong năm 2025 là 675 đồng/kWh, tăng 5% so với giá bán điện bình quân theo Hợp đồng mua bán điện đã ký (675/643,08 đồng/kWh).
- + Công ty tiếp tục chủ động kiểm soát và tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh: giảm chi phí quản lý, vận hành Nhà máy điện, Nhà máy nước.

- Hoạt động nước sạch: Khách hàng sử dụng nước tiếp tục tiết kiệm chi phí, giảm sử dụng nước nên các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu nước sạch năm 2025 không đạt kế hoạch đề ra. Công ty đã tiết giảm chi phí nên lợi nhuận đạt kế hoạch đề ra và tăng hơn so với cùng kỳ năm trước

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.1. Danh sách Ban điều hành:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|----------------------|
| 1 | Ông Trương Thanh Bình | Giám đốc Công ty |
| 2 | Ông Bùi Hải Nam | Phó Giám đốc Công ty |
| 3 | Bà Vũ Thị Thúy | Kế toán trưởng |

* Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

Ông Trương Thanh Bình - Giám đốc Công ty

- **Năm sinh:** 1973 **Quốc tịch:** Việt Nam **Giới tính:** Nam
- **Địa chỉ liên hệ:** 261/27A1 Chu Văn An, phường Bình Thạnh, TpHCM.
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kỹ thuật.
- **Quá trình công tác:**
 - * Tháng 8/1997-7/2008: Công tác tại Công ty Điện lực Đồng Nai.
 - * Tháng 8/2008-4/2024: Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam.
 - * Tháng 5/2024 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- **Số cổ phần sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Chứng khoán khác do Công ty phát hành:** Không có.

Ông Bùi Hải Nam - Phó Giám đốc Công ty

- **Năm sinh:** 1979 **Quốc tịch:** Việt Nam **Giới tính:** Nam
- **Địa chỉ liên hệ:** Tổ 27, Ấp Trầu, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Điện khí hóa cung cấp điện.
- **Quá trình công tác:**
 - * Tháng 10/1998-6/2001: Công tác tại Công ty Phát triển đô thị và khu công nghiệp thuộc Tổng công ty IDICO.
 - * Tháng 6/2001-10/2007: Công tác tại Công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị thuộc Tổng công ty IDICO.
 - * Tháng 10/2007-02/2008: Công tác tại Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty IDICO.
 - * Tháng 02/2008 đến nay: Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- **Số cổ phần sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- **Chứng khoán khác do Công ty phát hành:** Không có.

Bà Vũ Thị Thúy - Kế toán trưởng

- **Năm sinh:** 1984 **Quốc tịch:** Việt Nam **Giới tính:** Nữ
- **Địa chỉ liên hệ:** Khu phố 5, phường Phước Long, tỉnh Đồng Nai.
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kế toán.
- **Quá trình công tác:**
 - * Tháng 8/2006-12/2006: Công tác tại Ban quản lý dự án Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng thuộc Tổng công ty IDICO.
 - * Tháng 01/2007-02/2008: Công tác tại Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng IDICO thuộc Tổng công ty IDICO.
 - * Tháng 02/2008-nay: Công tác tại Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.
- **Số cổ phần sở hữu:** 3.100 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ.
- **Chứng khoán khác do Công ty phát hành:** Không có.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

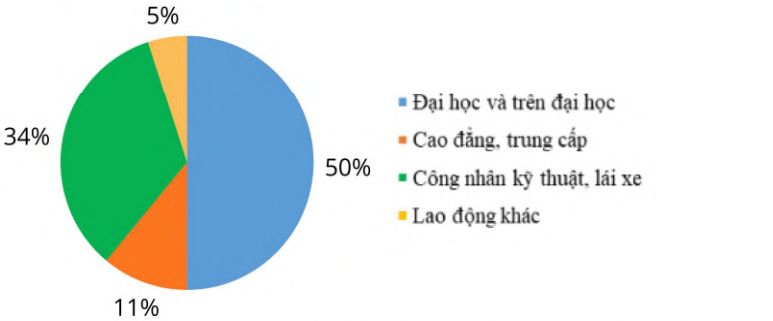
- Không thay đổi.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ nhân viên tại ngày 31/12/2025 là: 56 người.

| STT | Tính chất phân loại | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|-----|----------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
| | | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
| I | Theo trình độ lao động | 58 | 100% | 56 | 100% |
| 1 | Đại học và trên đại học | 26 | 45% | 28 | 50% |
| 2 | Cao đẳng, trung cấp | 9 | 16% | 6 | 11% |
| 3 | Công nhân kỹ thuật, lái xe | 20 | 34% | 19 | 34% |
| 4 | Lao động khác | 3 | 5% | 3 | 5% |
| II | Theo tính chất hợp đồng lao động | 58 | 100% | 56 | 100% |
| 1 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 57 | 98% | 56 | 100% |
| 2 | Hợp đồng có xác định thời hạn | 1 | 2% | - | 0% |
| 3 | Hợp đồng theo thời vụ | - | 0% | - | 0% |

* Cơ cấu lao động năm 2025



- Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của Bộ luật Lao động như: trích nộp đầy đủ và đúng hạn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ...
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn thực hiện tốt chế độ phúc lợi cho người lao động. Với mục tiêu quan tâm, chăm sóc đến đời sống tinh thần cho người lao động trong Công ty, đồng thời động viên, kịp thời ghi nhận những cố gắng, nỗ lực của người lao động.
- Lãnh đạo Công ty cùng BCH Công đoàn luôn tổ chức động viên thăm hỏi tặng quà cho CBNV trong ngày sinh nhật, hiếu hỷ và khi ốm đau hoạn nạn, ...
- Công ty có tổ chức bếp ăn tập thể, thực hiện nghiêm túc chất lượng bữa ăn đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc.
- Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên phối hợp các tổ chức đoàn thể xây dựng và triển khai thực hiện các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, giao lưu học hỏi kinh nghiệm với các đơn vị trên địa bàn để nâng cao tinh thần đoàn kết, tương trợ học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

* Các khoản đầu tư tài chính:

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty có khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc sáu (06) tháng và hưởng lãi suất thị trường (đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn).

* Tình hình đầu tư dự án:

Công ty đang theo dõi việc cập nhật quy hoạch tỉnh Đồng Nai để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Điện mặt trời, cũng như nâng cấp mở rộng nhà máy nước.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không phát sinh tại Công ty.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. Tình hình tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | %TH 2025 /TH2024 tăng (+), giảm (-) |
|---|-----------------|-----------------|-------------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 633.273.349.099 | 648.614.901.320 | 102% |
| Doanh thu thuần | 198.338.997.510 | 217.995.840.882 | 110% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 93.797.205.345 | 111.753.011.483 | 119% |
| Lợi nhuận khác | 581.184.182 | (6.256.104.890) | |
| Lợi nhuận trước thuế | 94.378.389.527 | 105.496.906.593 | 112% |
| Lợi nhuận sau thuế | 76.193.497.889 | 84.247.403.728 | 111% |
| Tỷ lệ trả cổ tức (%/Vốn điều lệ) | 20% | Kế hoạch 20% | |

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | Ghi chú |
|---|----------|----------|---------|
| 1 - Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: - Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | 240,4% | 246,2% | |
| 2 - Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 6,0% | 9,4% | |
| 3 - Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: - Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân - Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân | 11,7 | 12,3 | |
| 4 - Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS) - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) - Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | 38,4% | 38,6% | |

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cổ phần:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 45.000.000 cổ phiếu phổ thông.
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 45.000.000 cổ phiếu, bao gồm:
 - + Cổ phiếu phổ thông: 45.000.000 cổ phiếu.
 - + Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 45.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không.
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: Không.
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 450.000.000.000 đồng. Phân loại chi tiết theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu sau:

| Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu: | | |
|--|-----------------------|---------------------|
| Cổ đông lớn: | 387.328.930.000 đồng, | chiếm tỷ lệ 86,07%. |
| Cổ đông nhỏ: | 62.671.070.000 đồng, | chiếm tỷ lệ 13,93%. |
| Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân: | | |
| Cổ đông tổ chức: | 388.428.930.000 đồng | chiếm tỷ lệ 86,32%. |
| Cổ đông cá nhân: | 61.571.070.000 đồng, | chiếm tỷ lệ 13,68%. |
| Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài: | | |
| Cổ đông trong nước: | 449.308.000.000 đồng, | chiếm tỷ lệ 99,85%. |
| Cổ đông nước ngoài: | 692.000.000 đồng, | chiếm tỷ lệ 0,15%. |
| Phân loại theo tiêu chí cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác: | | |
| Cổ đông Nhà nước: | 0 đồng. | |
| Cổ đông khác: | 450.000.000.000 đồng, | chiếm tỷ lệ 100%. |
| * Thông tin về cổ đông lớn: | | |
| Công ty mẹ: Tổng công ty IDICO | | |
| Trụ sở chính: 151A, Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP.HCM. Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 23.299.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 51,78% vốn điều lệ. Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty IDICO: xem chi tiết tại website: www.idico.com.vn . | | |
| Công ty TNHH Năng Lượng REE | | |
| Trụ sở chính: 364 Cộng Hòa, phường Tân Bình, TP.HCM. Tỷ lệ cổ phần sở hữu: 15.433.893 cổ phần, chiếm tỷ lệ 34,3% vốn điều lệ. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty TNHH Năng Lượng REE: Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo. | | |

Ghi chú: Tỷ lệ sở hữu và thông tin về cổ đông lớn trên là tỷ lệ sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ năm 2026, trên cơ sở danh sách người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 27/3/2026.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh trong năm.

5.5. Các chứng khoán khác: Không phát sinh trong năm.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. Tác động lên môi trường:

- Thủy điện là một trong những loại hình năng lượng tái tạo sạch, bên cạnh một lượng nhỏ sinh ra khí nhà kính trong quá trình phân hủy hữu cơ trong hồ chứa, Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Đối với hoạt động thủy điện, nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất hầu như không có vì chủ yếu dùng nguồn nước để sản xuất điện. Nguồn vật tư, vật liệu phát sinh chủ yếu là để phục vụ việc bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị; tuy nhiên khối lượng cũng nhỏ, trong quá trình sử dụng nếu có phát sinh gây chất thải nguy hại, Công ty đều có quản lý chặt chẽ, ký kết hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: sản lượng điện sử dụng năm 2025 là 646.533 kWh.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả và các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Công ty tiết kiệm năng lượng thông qua việc rà soát, thay thế dần các thiết bị tiêu tốn nhiều năng lượng bằng thiết bị tiêu thụ ít năng lượng (bóng đèn led, thiết bị có inverter), bật-tắt các thiết bị chiếu sáng, thông gió, máy lạnh hợp lý.

6.4. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025):

- Nguồn cung cấp nước là từ lưu vực Sông Bé và lượng nước sử dụng là 911.350 m³.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động định biên tại ngày 31/12/2025: 56 người.
- Thu nhập bình quân từ Quỹ tiền lương của Người lao động năm 2025: 26,1 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của người lao động là một nhiệm vụ không thể thiếu của một doanh nghiệp, vì vậy Ban lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể Công ty luôn quan tâm đến các chế độ, quyền lợi của người lao động, cụ thể:

- + Đơn vị luôn quan tâm đến việc thực hiện pháp luật lao động, quản lý lao động theo pháp luật, đơn vị đã chủ động xây dựng nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ và tiến hành tổ chức Hội nghị Người lao động hằng năm.
- + Tất cả Người lao động trong đơn vị đều được ký hợp đồng lao động; các quyền lợi khác như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; chế độ nâng bậc lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; chế độ thai sản, ốm đau, nghỉ phép, lễ đều được đảm bảo theo quy định của Nhà nước. Sắp xếp, bố trí công việc đúng người, đúng khả năng chuyên môn.
- + Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định và mua bảo hiểm sức khỏe cho Người lao động.
- + Hằng năm trang bị đầy đủ BHLĐ, đồng phục, giày, nón, mặt nạ phòng độc, quần áo đi mưa, áo phao, ... khi làm việc và diễn tập.
- + Thường xuyên bồi dưỡng kiến thức và tổ chức diễn tập định kỳ về PCCC, phòng chống thiên tai.
- + 100% phòng làm việc đều được trang bị máy điều hòa không khí, máy vi tính, mạng internet, ... phục vụ yêu cầu công việc.
- + Thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào như: Tổ chức Hội thao, giao lưu văn nghệ, bóng đá, tennis, tổ chức các trò chơi tập thể giữa các đơn vị trực thuộc nhằm tạo sân chơi vui khỏe, lành mạnh, đoàn kết, nâng cao hiệu quả công tác, làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần của CBNV Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững, vì vậy Công ty luôn quan tâm, xây dựng các cơ chế chính sách, quy định đào tạo nhằm khuyến khích người lao động nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Đơn vị đã cử một số CBNV tham gia các khóa bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ như: Tham gia khóa học Nghiệp vụ Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tập huấn cơ bản về lập trình PLC/SCADA/DCS trong các Nhà máy Thủy điện; tham dự lớp cập nhật kiến thức do Chi hội Kế toán hành nghề Việt Nam tổ chức; tham dự khóa đào tạo tập huấn bồi dưỡng kiến thức về Khí tượng Thủy văn tại các công trình Hồ chứa Thủy điện, Thủy lợi; tham dự chương trình đào tạo, truyền thông về hướng dẫn quy trình đầu tư và hồ sơ tham gia dự án JETP; tham dự đào tạo quản trị công ty và công bố thông tin; tham quan học hỏi công tác vận hành Nhà máy thủy điện và Nhà máy nước tại các đơn vị, ... Bên cạnh đó, đơn vị còn tạo điều kiện cho CBNV tham gia các lớp học nâng cao kiến thức chuyên môn.

Hằng năm, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo, tự đào tạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBNV học tập, bồi dưỡng, phát huy năng lực, chuyên môn nghiệp vụ.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Để phát huy, củng cố truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tinh thần tương thân tương ái, hỗ trợ lẫn nhau đồng thời thắt chặt tinh thần đoàn kết, củng cố mối quan hệ giữa đơn vị với địa phương, năm 2025 Công ty đã thực hiện tốt công tác xã hội ở địa phương, cụ thể:

- Hằng năm, Công ty đã tổ chức trao tặng các phần quà để hỗ trợ đồng bào nghèo các xã Long Bình - huyện Phú Riềng (nay là xã Bình Tân); xã Thanh An - huyện Hớn Quản (nay là xã Tân Hưng) vào dịp Tết Nguyên đán.
- Hỗ trợ Cán bộ, chiến sỹ Đồn biên phòng Đắc Ơ nhân dịp Tết cổ truyền Nguyên đán.
- Hỗ trợ kinh phí tổ chức đêm hội trăng rằm và trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó tại Thôn Long Bình 7 - xã Bình Tân.
- Ủng hộ đồng bào các tỉnh bị thiệt hại do bão, lũ gây ra.
- Ủng hộ Trung tâm dạy nghề trẻ em khuyết tật,

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không phát sinh.



Báo cáo
thường niên 2025



Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

| | |
|---|----|
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 31 |
| 2. Tình hình tài chính | 33 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý | 33 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai | 37 |
| 5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán | 37 |
| 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty | 38 |

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá chung

Năm 2025, tình hình mưa-bão-lũ diễn biến phức tạp và khó lường. Mưa-bão diễn ra dồn dập, cục đoan, phá vỡ nhiều kỷ lục lịch sử (với 15 cơn bão, 06 ATNĐ) và ảnh hưởng lớn đến nhiều khu vực của Việt Nam. Tuy nhiên đối với lưu vực Sông Bé lại ít bị ảnh hưởng, thủy văn thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) điện năng của Công ty đây là các yếu tố giúp Công ty vượt kế hoạch SXKD năm 2025.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Ổn định công tác tổ chức bộ máy, triển khai áp dụng thang bảng lương và xác định quỹ tiền lương mới nhằm tinh gọn bộ máy quản lý, tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả hoạt động SXKD cho Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý, tổ chức vận hành hiệu quả, an toàn hệ thống thiết bị công trình Nhà máy điện, Nhà máy nước để tiết kiệm tối đa nguồn tài nguyên nước.
- Điều tiết hồ chứa hợp lý, tập trung chạy máy đạt tối đa sản lượng giờ cao điểm, giờ bình thường nhằm tăng giá bán điện bình quân để đạt doanh thu cao nhất.

Bảng đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH2025 | Thực hiện | | TH2025/ KH2025 | TH2025/ TH2024 |
|-----|----------------------------|---------|---------|-------------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | | Năm 2024 | Năm 2025 | | |
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm | Tr.kWh | 218 | 222 | 251 | 115% | 113% |
| 2 | Sản lượng nước sạch | m3 | 778.440 | 778.432 | 728.792 | 93% | 94% |
| 3 | Tổng doanh thu và thu nhập | Tr.đồng | 196.040 | 199.893 | 221.373 | 113% | 111% |
| 4 | Tổng chi phí | Tr.đồng | 104.946 | 105.514 | 115.876 | 111% | 110% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 91.094 | 94.378 | 105.497 | 116% | 112% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 72.727 | 76.193 | 84.247 | 116% | 111% |

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng (+) / giảm (-) |
|--------------------------------------|----------|----------|-----------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 633.273 | 648.615 | + 2,4% |
| 1 - Tài sản ngắn hạn | 90.803 | 150.128 | +65,3% |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.953 | 14.982 | 67,3% |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn | 40.000 | 80.500 | +101,2% |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn | 34.062 | 46.488 | +36,5% |
| - Hàng tồn kho | 7.739 | 7.974 | +3,0% |
| - Tài sản ngắn hạn khác | 49 | 185 | 277,5% |
| 2 - Tài sản dài hạn | 542.470 | 498.486 | -8,1% |
| - Tài sản cố định | 375.222 | 336.495 | -10,3% |
| - Tài sản dở dang dài hạn | 1.467 | 1.602 | +9,2% |
| - Tài sản dài hạn khác | 165.781 | 160.390 | -3,3% |

- Tổng giá trị tài sản năm 2025 của Công ty tăng 2,4% so với năm 2024 chủ yếu là do Tài sản ngắn hạn tăng.

Các chỉ số đánh giá hiệu quả sử dụng Tài sản và một số chỉ tiêu tài chính:

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---------------------------------------|----------|----------|
| Khả năng thanh toán hiện hành | 240,4% | 246,1% |
| Khả năng thanh toán nhanh | 219,9% | 233,1% |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 6,0% | 9,4% |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 94,0% | 90,6% |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 31,3% | 33,6% |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 12,0% | 13,0% |

- Công ty quản lý, sử dụng tài sản theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo an toàn và đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh: Không có.



2.2. Tình hình nợ phải trả

- Tổng số nợ phải trả tại ngày 31/12/2025: 60.990 triệu đồng, chủ yếu là nợ ngắn hạn phải trả các tổ chức tín dụng, thuế phí phải nộp NSNN.
- Biến động lớn về các khoản nợ

| Đơn vị: triệu đồng | | | | | |
|--------------------|--|---------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------|
| STT | Nội dung | Số dư 01/01/2025 | Số vay /phát sinh tăng | Số trả /phát sinh giảm | Số dư 31/12/2025 |
| 1 | Các khoản đi vay Ngắn hạn | 16.378 | 61.781 | 43.207 | 34.952 |
| 2 | Các khoản đi vay Dài hạn | - | - | - | - |
| 3 | Phải trả người bán và các đối tượng khác | 4.830 | 38.538 | 36.931 | 6.438 |
| 4 | Phải trả, phải nộp khác | 16.568 | 169.821 | 166.789 | 19.600 |
| 4.1. | Thuế, phí và các khoản phải nộp NSNN | 13.629 | 79.821 | 76.849 | 16.601 |
| 4.2. | Nợ cổ tức | 2.939 | 90.000 | 89.940 | 2.999 |
| Tổng cộng | | 37.776 | 270.140 | 246.927 | 60.990 |

- Nợ cổ tức: nợ cổ tức năm 2025 và cổ tức các năm trước với số tiền 2.999 triệu đồng, đây là nợ cổ tức phải trả cổ đông nhỏ lẻ, do Công ty không liên hệ được với cổ đông để chi trả.
- Tất cả các khoản công nợ (trừ nợ cổ tức phải trả cổ đông nhỏ) đều được đối chiếu, kiểm tra cụ thể, rõ ràng. Hiện tại, IDICO-SHP không có nợ quá hạn mất khả năng thanh toán.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

- Thường xuyên rà soát để kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy định nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và pháp luật hiện hành.
- Bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động.
- Đã đào tạo lực lượng trưởng ca vận hành và công nhân kỹ thuật chính quy, chuyên nghiệp, làm chủ công nghệ, kỷ luật lao động cao.
- Bên cạnh việc không ngừng nâng cao năng lực quản lý, kiện toàn và đổi mới cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, Công ty luôn chú trọng đến việc tuyên truyền, khích lệ người lao động trong công việc, phát động phong trào thi đua sản xuất, thực hiện phương châm “làm hết việc chứ không làm hết giờ” nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- Công ty xây dựng lại cơ cấu tổ chức hợp lý, đảm bảo đủ các nguồn lực cần thiết để doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.



4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

• Kế hoạch SXKD năm 2026:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện năm 2025 | Kế hoạch năm 2026 | KH 2026/ TH 2025 |
|-----|----------------------------|---------|--------------------|-------------------|------------------|
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm | Tr.kWh | 251 | 234 | 93% |
| 2 | Sản lượng nước sạch | m3 | 728.792 | 733.120 | 101% |
| 3 | Tổng doanh thu và thu nhập | Tr.đồng | 221.373 | 209.600 | 95% |
| 4 | Tổng chi phí | Tr.đồng | 115.876 | 108.391 | 93% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 105.497 | 101.208 | 96% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 84.247 | 80.876 | 96% |

Trong thời gian tới, tình hình kinh tế dự báo còn nhiều khó khăn, do đó việc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 và các năm tiếp theo được Ban điều hành rất chú trọng. Công ty đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới như sau:

- Ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh điện và nước sạch trên cơ sở máy móc thiết bị hiện có, đảm bảo hoạt động SXKD chính của Công ty luôn an toàn và đạt hiệu quả.
- Đảm bảo tối đa lợi ích các Cổ đông, thu nhập của người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Đảm bảo công tác quản lý tài chính của Công ty tuân thủ theo đúng quy định hiện hành đồng thời mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty; quản lý chi phí hoạt động SXKD và quản lý dòng tiền hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.
- Tiếp tục theo dõi việc bổ sung quy hoạch các dự án Điện mặt trời trên lòng hồ Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng. Tìm kiếm cơ hội đầu tư dự án Điện mặt trời.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2025 của IDICO-SHP đã được kiểm toán bởi CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM ngày 13/3/2026.

Trong báo cáo kiểm toán năm 2025, Kiểm toán viên đã đưa ra Ý kiến chấp nhận toàn phần: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Công ty luôn duy trì môi trường sống Xanh-Sạch-Đẹp hiện có của Công ty. Công ty tổ chức thu gom, xử lý rác thải theo đúng quy định, phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBNV trong Công ty để mọi người hiểu và có trách nhiệm với môi trường cũng như sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, năng lượng.
- Tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường, tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường. Tuy nhiên cũng có một số ảnh hưởng nhất định đến quá trình sản xuất của Công ty như:
 - Diện tích rừng tự nhiên giảm làm tăng nguy cơ lũ quét vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô.
 - Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu gây ra tình trạng khô hạn, thiếu hụt nguồn nước sản xuất.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:



- Công ty luôn đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành của Bộ luật Lao động như: trích nộp đầy đủ và đúng hạn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và doanh thu.
- Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.
- Công ty luôn chăm lo đời sống người lao động giúp người lao động yên tâm công tác (tổ chức bếp ăn tập thể, thăm hỏi động viên người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, tặng quà các ngày lễ tết, đảm bảo an ninh trật tự, ...). Bên cạnh đó, Công ty phối hợp với các tổ chức đoàn thể xây dựng và triển khai thực hiện các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao nâng cao đời sống tinh thần và tăng cường sức khỏe cho người lao động.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương.
- Hằng năm, Công ty phối hợp với địa phương quan tâm chăm sóc đến các gia đình chính sách, gia đình neo đơn và những hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.
- Tham gia, thực hiện đầy đủ các hoạt động từ thiện, phúc lợi xã hội do địa phương phát động.



Báo cáo
thường niên 2025

IV

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- | | |
|---|----|
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty | 41 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty | 42 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 42 |

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Về kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

Năm 2025, Công ty đã điều hành linh hoạt, khai thác hiệu quả nguồn nước về, tiết kiệm chi phí SXKD. Công ty đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

| TT | Các chỉ tiêu chủ yếu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Thực hiện /kế hoạch |
|----|---|---------------|-------------------|--------------------|---------------------|
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm | Tr.kWh | 218 | 251 | 115% |
| 2 | Sản lượng nước | m3 | 787.440 | 728.792 | 93% |
| 3 | Tổng doanh thu và thu nhập | Tr.đồng | 196.040 | 221.373 | 113% |
| 4 | Lợi nhuận kế toán trước thuế | Tr.đồng | 91.094 | 105.497 | 116% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | Tr.đồng | 72.727 | 84.247 | 116% |
| 6 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đồng/cổ phiếu | 1.616 | 1.803 | 112% |
| 7 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | | 13,0% | |
| 8 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần (ROS) | % | | 38,6% | |
| 9 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | | 14,3% | |

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội:

Bảo vệ môi trường là nền tảng cho phát triển, đặc biệt là ngành sản xuất thủy điện. Từ khi xây dựng nhà máy, Công ty đã bố trí nhiều diện tích phục vụ trồng cây tạo cảnh quan, cải thiện môi trường trong sản xuất và sinh hoạt. Công ty luôn tự hào là đơn vị sản xuất trong môi trường xanh.

+ Công ty tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

+ Hằng năm, Công ty đã lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường để theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, không để xảy ra các tác động xấu đến môi trường.

+ Định kỳ thu thập, phân tích dữ liệu về chất lượng không khí, tiếng ồn, chất thải, nước mặt, nước ngầm, nước thải. Mọi chất thải từ sinh hoạt và sản xuất đều được thu gom và xử lý theo quy định.

+ Bên cạnh sản xuất phát điện, Công ty còn quan tâm đặc biệt đến cung cấp nước cho tưới tiêu, sinh hoạt, sản xuất cho các khu vực hạ du.

- Về công tác quản lý, cơ cấu tổ chức, điều hành:

+ Năm 2025, Công ty đã ổn định công tác tổ chức bộ máy, triển khai áp dụng thang bảng lương mới. Định biên lao động của Công ty là 56 người gồm: 02 thành viên Ban giám đốc, 03 Phòng nghiệp vụ, 02 Nhà máy, 01 Xưởng Sửa chữa.

+ Thu nhập của Người lao động được chi trả theo vị trí công tác và hiệu quả công việc.

Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý, tổ chức bộ máy, điều hành hoạt động tiết kiệm, hiệu quả.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành.

- Hoàn thành việc công bố thông tin theo quy định.

- Hoàn thành chi trả cổ tức theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Hoàn thành việc xây dựng định biên lao động, thang bảng lương mới theo chỉ đạo của HĐQT.

Nhìn chung, Ban điều hành đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, Ban điều hành đã nỗ lực trong công tác điều hành, tuân thủ pháp luật, đảm bảo quyền lợi của người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ nhận định tình hình thủy văn, nhu cầu phát triển phụ tải của hệ thống điện, HĐQT đưa ra một số mục tiêu trọng tâm như sau:

3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2026 | KH2026 /TH2025 | Ghi chú |
|-----|----------------------------|---------|---------------|----------------|---------|
| 1 | Sản lượng điện thương phẩm | Tr.kWh | 234 | 93% | |
| 2 | Sản lượng nước sạch | m3 | 733.120 | 101% | |
| 3 | Tổng doanh thu và thu nhập | Tr.đồng | 209.600 | 95% | |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 101.208 | 96% | |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 80.876 | 96% | |

3.2. Định hướng của Hội đồng quản trị:

- Quản lý vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy điện, Nhà máy nước; quản lý, tiết kiệm chi phí để phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty.
- Đánh giá tình trạng kỹ thuật của hệ thống thiết bị, công trình sau nhiều năm đi vào vận hành để xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa, trang bị, thay thế và dự phòng.
- Tiếp tục theo dõi việc bổ sung quy hoạch các dự án Điện mặt trời trên khu vực đầu mối và khu vực lòng hồ Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng để xem xét đầu tư.



Báo cáo
thường niên 2025



Quản trị công ty

| | |
|--|----|
| 1. Hội đồng quản trị | 45 |
| 2. Ban kiểm soát (BKS) | 48 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và BKS | 49 |

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

- Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, danh sách thành viên HĐQT như sau:

| TT | Họ và tên | Tỷ lệ sở hữu và đại diện cổ phần có quyền biểu quyết | Chức vụ tại Công ty | Chức danh quản lý tại công ty khác |
|----|-----------------------|--|--|---|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Thịnh | 0% | Chủ tịch HĐQT | - TV. HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam. - TV. HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đắk Kar. - TV. HĐQT độc lập, Thành viên Ủy ban kiểm toán Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO. - Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Liên Gich. |
| 2 | Bà Trần Thùy Giang | 31,78% | Nguyên Thành viên HĐQT không điều hành (Miễn nhiệm ngày 22/4/2025) | - TV. HĐQT, TV. UBKT Tổng công ty IDICO - CTCP. - TV. HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đắk R'Tiê. |
| 3 | Ông Nguyễn Quốc Việt | 31,78% | Thành viên HĐQT không điều hành | - TV. HĐTV Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Khu công nghiệp IDICO. |
| 4 | Ông Trương Thanh Bình | 20% | Thành viên HĐQT - Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/4/2025) | |
| 5 | Ông Mai Đình Nhật | 0% | Thành viên HĐQT không điều hành | - TV. HĐQT Công ty CP Thủy điện Trà Khúc 2. - TV. HĐQT Công ty CP Thủy điện Sứ Pán 2. - Giám đốc Công ty CP điện gió Duyên Hải. - TV. HĐQT CTCP Phát triển điện Đồng Dương |
| 6 | Ông Nguyễn Phong Danh | 0% | Thành viên HĐQT không điều hành | - TV. HĐQT Công ty CP Phát triển Điện Trà Vinh. - TV. HĐQT độc lập Công ty CP Thủy điện Miền Trung. - TV. HĐQT Công ty CP Thủy điện Sứ Pán 2. |

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành của các thành viên HĐQT: Không có.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trên cơ sở các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị tổ chức 07 cuộc họp định kỳ để thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ các quý, năm 2025 và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

| Stt | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------------|--------------------------|-------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Thịnh | 7/7 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Quốc Việt | 7/7 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Phong Danh | 7/7 | 100% | |
| 4 | Ông Mai Đình Nhật | 7/7 | 100% | |
| 5 | Bà Trần Thùy Giang | 3/3 | 100% | Có đơn xin từ nhiệm và được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua vào ngày 22/4/2025 |
| 6 | Ông Trương Thanh Bình | 4/4 | 100% | Trúng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 vào ngày 22/4/2025 |

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp HĐQT định kỳ, đột xuất, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và ban hành 25 Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo các hoạt động của Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tuân thủ theo đúng thể thức quy định trong Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định dựa trên sự thống nhất thông qua của các thành viên HĐQT, phù hợp với Điều lệ, Quy chế nội bộ Công ty và pháp luật hiện hành, với các nội dung cụ thể như sau:

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|--|-----------------|
| I | Các Nghị quyết của HĐQT | | | |
| 1 | 01/NQ-HQĐT | 14/01/2025 | Thông qua Kết quả SXKD, đầu tư năm 2024 và Kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2025 | 100% |
| 2 | 02/NQ-HQĐT | 21/02/2025 | Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 | 100% |
| 3 | 03/NQ-HQĐT | 28/3/2025 | Thông qua thời gian, địa điểm, hình thức tổ chức và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | 100% |
| 4 | 04/NQ-HQĐT | 15/4/2025 | Ký hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | 100% |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---|-----------------|
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 13/5/2025 | Chi trả cổ tức đợt 1 năm tài chính 2024 | 100% |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 27/5/2025 | Kỳ họp lần thứ 04/2025 nhiệm kỳ 2023-2028 | 100% |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 27/5/2025 | Kế hoạch chi thù lao HĐQT, trợ lý HĐQT, thư ký Công ty năm 2025 và kế hoạch chi Quỹ thưởng Ban quản lý năm 2025 | 100% |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 27/5/2025 | Thông qua phương án vay vốn ngắn hạn và hạn mức bảo lãnh năm 2025 | 100% |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 15/8/2025 | Chi trả cổ tức phần còn lại năm tài chính 2024 | 100% |
| 10 | 10/NQ-HĐQT | 06/10/2025 | Thông qua việc thay đổi mẫu dấu của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | 100% |
| 11 | 11/NQ-HĐQT | 13/11/2025 | Kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2025, cập nhật kế hoạch quý IV/2025 và ước thực hiện năm 2025 | 100% |
| II | Các Quyết định của HĐQT | | | |
| 1 | 05/QĐ-HĐQT | 11/3/2025 | Ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | 100% |
| 2 | 21/QĐ-HĐQT | 13/5/2025 | Phê duyệt Phương án, Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục “Hoàn thiện Hệ thống đo đếm - Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng” | 100% |
| 3 | 24/QĐ-HĐQT | 10/6/2025 | Ban hành Quy chế tài chính của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | 100% |
| 4 | 25/QĐ-HĐQT | 18/6/2025 | Phê duyệt Phương án, Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục “Mua sắm máy cắt đầu cực dự phòng - Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng” | 100% |
| 5 | 27/QĐ-HĐQT | 24/6/2025 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 và kiểm toán BCTC năm 2025 | 100% |
| 6 | 28/QĐ-HĐQT | 25/7/2025 | Ban hành Quy chế phân cấp quản lý đầu tư xây dựng của Công ty Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | 100% |
| 7 | 32/QĐ-HĐQT | 20/8/2025 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Hoàn thiện Hệ thống đo đếm - Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng” | 100% |
| 8 | 34/QĐ-HĐQT | 12/9/2025 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm máy cắt đầu cực dự phòng - Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng” (Hủy gói thầu) | 100% |

| Stt | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|---|-----------------|
| 9 | 36/QĐ-HĐQT | 19/9/2025 | Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (lần 2) gói thầu “Mua sắm máy cắt đầu cực dự phòng - Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng” | 100% |
| 10 | 39/QĐ-HĐQT | 03/10/2025 | Thông qua Quy trình thanh toán của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | 100% |
| 11 | 41/QĐ-HĐQT | 22/10/2025 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, tên gói thầu “Mua sắm máy cắt đầu cực dự phòng - Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng”, thuộc dự toán “Mua sắm máy cắt đầu cực dự phòng - NM thủy điện Srok Phu Miêng” | 100% |
| 12 | 44/QĐ-HĐQT | 13/11/2025 | Phê duyệt Phương án, Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục “Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ năm 2026 - Nhà máy thủy điện Srok Phu Miêng” | 100% |
| 13 | 50/QĐ-HĐQT | 12/12/2025 | Phê duyệt Phương án chi tiết bán thanh lý Tài sản cố định | 100% |
| 14 | 51/QĐ-HĐQT | 22/12/2025 | Ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO | 100% |

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Không có.
- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Các thành viên HĐQT đều đã tham gia các chương trình về quản trị Công ty.

2. BAN KIỂM SOÁT (BKS)

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết | Chức vụ tại Công ty | Ghi chú |
|----|----------------------------|--|---------------------|---------|
| 1 | Ông Đoàn Hữu Nghĩa | 0% | Trưởng BKS | |
| 2 | Ông Vũ Tuấn Anh | 0% | Thành viên BKS | |
| 3 | Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | 0% | Thành viên BKS | |

- Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành của các thành viên BKS: Không có.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2025, BKS Công ty đã thực hiện tốt công tác giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành công ty cũng như thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định.
- Trong năm 2025, BKS đã tổ chức 02 cuộc họp, cụ thể:

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|----------------------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 1 | Ông Đoàn Hữu Nghĩa | 2/2 | 100% | 100% |
| 2 | Ông Vũ Tuấn Anh | 2/2 | 100% | 100% |
| 3 | Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | 2/2 | 100% | 100% |

- Các nội dung cuộc họp của BKS đều có sự nhất trí cao của các thành viên BKS, gồm các nội dung:
 - o Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024 của công ty và thông qua kế hoạch hoạt động kiểm tra, giám sát, hoạt động SXKD năm 2025 của Công ty.
 - o Tổng kết công tác kiểm tra, giám sát, kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty và triển khai kiểm tra, giám sát, kết quả hoạt động SXKD 6 tháng cuối năm 2025 và năm 2025 của Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BKS

3.1. Lương, thưởng, thù lao:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------------|----------------|--|
| I | Thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT | | 848.000.000 | |
| 1 | Ông Nguyễn Văn Thịnh | Chủ tịch | 264.000.000 | |
| 2 | Bà Trần Thùy Giang | Thành viên | 40.400.000 | Có đơn xin từ nhiệm và được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua vào ngày 22/4/2025 |
| 3 | Ông Nguyễn Quốc Việt | Thành viên | 146.000.000 | |
| 4 | Ông Trương Thanh Bình | Thành viên Giám đốc Công ty | 105.600.000 | Trúng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 vào ngày 22/4/2025 |
| 5 | Ông Nguyễn Phong Danh | Thành viên | 146.000.000 | |
| 6 | Ông Mai Đình Nhật | Thành viên | 146.000.000 | |

| ST T | Họ và tên | Chức vụ | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|------|---|--|----------------|---------|
| II | Thù lao, tiền thưởng của thành viên Ban kiểm soát | | 299.000.000 | |
| 1 | Ông Đoàn Hữu Nghĩa | Trưởng ban | 115.000.000 | |
| 3 | Ông Vũ Tuấn Anh | Thành viên | 92.000.000 | |
| 4 | Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt | Thành viên | 92.000.000 | |
| III | Tiền lương của Ban điều hành | | 2.206.289.164 | |
| 1 | Ông Trương Thanh Bình | Giám đốc | 886.773.028 | |
| 3 | Ông Bùi Hải Nam | Phó giám đốc | 694.706.362 | |
| 4 | Bà Vũ Thị Thủy | Kế toán trưởng - Thư ký Công ty - Người Phụ trách quản trị Công ty | 624.809.774 | |

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không phát sinh.

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không phát sinh.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Theo quy định hiện hành, Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về quản trị Công ty. Công ty đã ban hành các quy chế: Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS. Nhằm tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị, thời gian tới Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp sau:
 - o Thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định mới, hướng dẫn mới của các cơ quan ban ngành để kịp thời nghiên cứu, áp dụng cho phù hợp với hoạt động của Công ty và đảm bảo hoạt động quản trị của Công ty luôn thực hiện theo đúng quy định hiện hành.
 - o Tiếp tục rà soát, cập nhật quy định pháp luật để sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS cho phù hợp với thực tiễn vận hành quản lý Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
 - o Tiếp tục cử các cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty tham gia các lớp tập huấn, đào tạo về quản trị Công ty và các lớp bồi dưỡng chuyên ngành khác.



Báo cáo
thường niên 2025

Báo cáo tài chính

| | |
|-------------------------------------|----|
| 1. Ý kiến Kiểm toán | 53 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán | 53 |

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

- Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025: **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.**

- Trong báo cáo kiểm toán năm 2025, Kiểm toán viên đã đưa ra Ý kiến chấp nhận toàn phần: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: đồng

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---------|---|-------------|-----------------|-----------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 150.128.457.990 | 90.803.489.374 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 14.981.650.057 | 8.953.395.095 |
| 111 | 1. Tiền | | 2.981.650.057 | 6.953.395.095 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 12.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| 120 | II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 80.500.000.000 | 40.000.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 5 | 80.500.000.000 | 40.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 46.488.062.048 | 34.062.276.736 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 45.364.249.963 | 33.524.595.131 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 248.778.800 | 532.606.262 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | | 875.033.285 | 5.075.343 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 7 | 7.973.802.076 | 7.738.928.654 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 7.973.802.076 | 7.738.928.654 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 184.943.809 | 48.888.889 |
| 152 | 1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 65.824.889 | 48.888.889 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 119.118.920 | - |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 498.486.443.330 | 542.469.859.725 |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 336.494.629.883 | 375.221.797.003 |

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 8 | 334.378.104.094 | 373.014.641.940 |
| 222 | - Nguyên giá | | 1.073.352.898.021 | 1.085.194.581.628 |
| 223 | - Giá trị khấu hao lũy kế | | (738.974.793.927) | (712.179.939.688) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 9 | 2.116.525.789 | 2.207.155.063 |
| 228 | - Nguyên giá | | 5.016.214.087 | 4.941.214.087 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.899.688.298) | (2.734.059.024) |
| 240 | II. Tài sản dở dang dài hạn | | 1.602.020.202 | 1.467.020.202 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 1.602.020.202 | 1.467.020.202 |
| 260 | III. Tài sản dài hạn khác | | 160.389.793.245 | 165.781.042.520 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 160.060.984.791 | 165.224.242.371 |
| 262 | 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 23.3 | 328.808.454 | 556.800.149 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 648.614.901.320 | 633.273.349.099 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 60.990.271.913 | 37.776.123.420 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 60.990.271.913 | 37.776.123.420 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | | 212.452.051 | 157.019.656 |
| 313 | 2. Thuế và các khoản phải nộp NN | 11 | 13.503.519.515 | 11.162.634.947 |
| 314 | 3. Phải trả người lao động | | 3.430.549.864 | 1.201.000.000 |
| 315 | 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 173.537.180 | 758.800.349 |
| 319 | 5. Phải trả ngắn hạn khác | 12 | 6.137.605.969 | 5.474.213.879 |
| 320 | 6. Vay ngắn hạn | 14 | 34.952.486.840 | 16.377.869.172 |
| 321 | 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 15 | 1.625.375.600 | 2.186.940.523 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 13 | 954.744.894 | 457.644.894 |
| 400 | D. Vốn chủ sở hữu | | 587.624.629.407 | 595.497.225.679 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 16.1 | 587.624.629.407 | 595.497.225.679 |

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| 411a | - CP phổ thông có quyền biểu quyết | | 450.000.000.000 | 450.000.000.000 |
| 421 | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 137.624.629.407 | 145.497.225.679 |
| 421a | - LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước | | 53.377.225.679 | 69.303.727.790 |
| 421b | - LNST chưa phân phối năm nay | | 84.247.403.728 | 76.193.497.889 |
| 440 | Tổng cộng Nguồn vốn | | 648.614.901.320 | 633.273.349.099 |

(Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: đồng

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|------------------|------------------|
| 10 | 1. Doanh thu thuần về bán hàng | 17.1 | 217.995.840.882 | 198.338.997.510 |
| 11 | 2. Giá vốn hàng bán | 18 | (96.840.108.607) | (91.785.166.251) |
| 20 | 3. Lợi nhuận gộp về bán hàng | | 121.155.732.275 | 106.553.831.259 |
| 21 | 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 17.2 | 2.863.444.541 | 972.608.964 |
| 22 | 5. Chi phí tài chính | 19 | (738.457.036) | (847.790.218) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (738.457.036) | (845.930.091) |
| 26 | 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20 | (11.527.708.297) | (12.881.444.660) |
| 30 | 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 111.753.011.483 | 93.797.205.345 |
| 31 | 8. Thu nhập khác | | 513.423.804 | 581.184.182 |
| 32 | 9. Chi phí khác | 21 | (6.769.528.694) | - |
| 40 | 10. Lợi nhuận (lỗ) khác | | (6.256.104.890) | 581.184.182 |
| 50 | 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 105.496.906.593 | 94.378.389.527 |
| 51 | 12. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 23.1 | (21.021.511.170) | (18.741.691.787) |
| 52 | 13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 23.3 | (227.991.695) | 556.800.149 |
| 60 | 14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN | | 84.247.403.728 | 76.193.497.889 |
| 70 | 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 16.5 | 1.803 | 1.646 |
| 71 | 16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 16.5 | 1.803 | 1.646 |

(Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: đồng


| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|--|-------------|------------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 105.496.906.593 | 94.378.389.527 |
| | Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao và hao mòn | 8, 9 | 32.088.076.311 | 32.108.016.175 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | (561.564.923) | (2.013.059.477) |
| 04 | - Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | | 1.860.127 |
| 05 | - Lãi từ hoạt động đầu tư | | 3.860.012.558 | (1.073.972.600) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | 19 | 738.457.036 | 845.930.091 |
| 08 | Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động | | 141.621.887.575 | 124.247.163.843 |
| 09 | - Giảm (tăng) các khoản phải thu | | (11.691.882.290) | 28.955.398.547 |
| 10 | - Giảm hàng tồn kho | | (234.873.422) | 234.295.945 |
| 11 | - Giảm các khoản phải trả | | 4.075.904.638 | (559.264.239) |
| 12 | - Giảm chi phí trả trước | | 5.163.257.580 | 5.163.257.580 |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | (719.920.008) | (862.010.466) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 11 | (20.318.891.787) | (19.754.995.423) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 13 | (1.622.900.000) | (2.843.942.779) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 116.272.582.286 | 134.579.903.008 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | - Tiền chi để mua sắm tài sản cố định | | (952.991.931) | - |

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|---|-------------|------------------|-------------------|
| 22 | - Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ | | 583.000.000 | 111.500.000 |
| 23 | - Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn | | (96.000.000.000) | (40.000.000.000) |
| 24 | - Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn | | 55.500.000.000 | 0 |
| 27 | - Tiền thu từ lãi tiền gửi | | 1.991.196.939 | 983.879.158 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (38.878.794.992) | (38.904.620.842) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | - Tiền vay nhận được | 14 | 61.781.357.575 | 43.437.457.051 |
| 34 | - Tiền chi trả nợ gốc vay | 14 | (43.206.739.907) | (58.210.192.345) |
| 36 | - Cổ tức đã trả | 16.4 | (89.940.150.000) | (89.593.783.800) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính | | (71.365.532.332) | (104.366.519.094) |
| 50 | Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm | | 6.028.254.962 | (8.691.236.928) |
| 60 | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | | 8.953.395.095 | 17.646.492.150 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | (1.860.127) |
| 70 | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 4 | 14.981.650.057 | 8.953.395.095 |

* Ghi chú: Toàn văn báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam, xem chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.idico-shp.vn.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO.

Trân trọng.

Nơi nhận: 
- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Website Công ty;
- Lưu: TH, TCKT.


NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC
Trương Thanh Bình